

Cập nhật pháp luật về PPP

Khuôn khổ Pháp luật

Khái niệm Đối tác Công – Tư (“PPP”) (nhưng giới hạn ở các hình thức hợp đồng xây dựng-vận hành-chuyển giao (BOT), xây dựng-chuyển giao-vận hành (BT0) và xây dựng-chuyển giao (BT) trong một số lĩnh vực) đã được giới thiệu lần đầu tiên ở Việt Nam vào năm 1997 khi Nghị định số 77/CP về BOT áp dụng đối với các nhà đầu tư trong nước được ban hành ngày 18 tháng 6 năm 1997, và sau đó là Nghị định số 62/1998/NĐ-CP về BOT, BT0 và BT áp dụng đối với các nhà đầu tư nước ngoài đã được ban hành ngày 15 tháng 8 năm 1998. Tiếp sau đó, Nghị định số 78/2007/NĐ-CP về BOT, BT0 và BT được ban hành ngày 11 tháng 5 năm 2007, hợp nhất và thay thế Nghị định 77 và Nghị định 62, và áp dụng chung đối với các nhà đầu tư trong nước lẫn các nhà đầu tư nước ngoài; Nghị định số 108/2009/NĐ-CP được ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2009 thay thế Nghị định 78.

Tuy nhiên, khái niệm đầy đủ về PPP chỉ được giới thiệu ở Việt Nam vào năm 2010, khi Thủ tướng Chính phủ (“Thủ tướng”) ban hành Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg ngày 9 tháng 11 năm 2010, quy định cơ chế áp dụng thí điểm đầu tư theo hình thức PPP trong khoảng thời gian 3-5 năm. Quyết định 71 có hiệu lực đồng thời với Nghị định 108. Lần đầu tiên, PPP đã không chỉ giới hạn ở BT0, BT0 và BT, mà còn được mở rộng đến tất cả các hình thức hợp tác giữa nhà nước và nhà đầu tư tư nhân (trong nước và nước ngoài) trong hầu hết mọi lĩnh vực. Ngay sau khi hết thời hạn 5 năm áp dụng thí nghiệm cơ chế PPP theo quy định tại Quyết định 71, ngày 14 tháng 2 năm 2015 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2015/NĐ-CP là căn cứ pháp lý duy nhất cho đầu tư theo hình thức PPP. Nghị định 15 thay thế cả Nghị định 108 lẫn Quyết định 71. Gần đây hơn, Nghị định số 63/2018/NĐ-CP đã được ban hành ngày 4 tháng 5 năm 2018, thay thế Nghị định 15, quy định nhiều ưu đãi và biện pháp bảo vệ đầu tư cho các nhà đầu tư tư nhân tiến hành đầu tư theo hình thức PPP.

Ngoài ra, để hỗ trợ cho việc triển khai các dự án PPP ở Việt

Nam, nhiều văn bản pháp luật mới hoặc sửa đổi đã lần lượt được ban hành. Trong số đó có thể kể tới Luật Đầu tư năm 2013, Luật Đầu tư năm 2013, Luật Đầu tư năm 2014, Luật Đầu tư Công năm 2014, và Luật Xây dựng năm 2014.

Lĩnh vực được Khuyến khích

Về nguyên tắc, các dự án PPP có thể được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực. Tuy nhiên, pháp luật khuyến khích dự án PPP trong các lĩnh vực sau đây:

1. Giao thông vận tải;
2. Điện lực (bao gồm cả nhà máy điện và đường dây tải điện);
3. Hệ thống chiếu sáng công cộng; hệ thống cung cấp nước sạch; mạng lưới thoát nước; hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải; công viên; nhà, sân bãi đồ ô tô, xe, máy móc, thiết bị; nghĩa trang;
4. Trụ sở cơ quan Nhà nước; nhà ở công vụ; nhà ở xã hội; khu tái định cư;
5. Y tế; giáo dục, đào tạo, dạy nghề; văn hóa; thể thao; du lịch; khoa học và công nghệ; khí tượng thủy văn; ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT);
6. Hạ tầng thương mại; Hạ tầng khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu CNTT tập trung; hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao; cơ sở ương tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
7. Nông nghiệp và phát triển nông thôn; dịch vụ phát triển liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Điểm cần lưu ý đó là Chính phủ Việt Nam (“Chính phủ”) có thể xem xét điều chỉnh danh sách trên tùy từng thời điểm.

Loại Dự án

Nói chung, các dự án PPP được phân thành bốn nhóm chính sau:

1. Nhóm có tầm quan trọng đặc biệt đối với an ninh quốc gia;
2. Nhóm A;
3. Nhóm B;
4. Nhóm C.

Mặc dù ngân sách Nhà nước chỉ đóng góp một phần trong tổng vốn đầu tư, việc hình thành, thực hiện và kết thúc dự án PPP phải tuân thủ đúng các điều kiện, yêu cầu và thủ tục được áp dụng đối với các dự án do Nhà nước đầu tư toàn bộ. Trong khi:

1. Chế độ ưu đãi đối với các dự án thuộc nhóm có tầm quan trọng đặc biệt đối với an ninh quốc gia (bất kể mức vốn đầu tư và vốn góp từ Ngân sách Nhà nước) sẽ do Quốc hội phê duyệt;
2. Chế độ ưu đãi đối với các dự án thuộc nhóm A (trong đó phần vốn góp từ ngân sách Nhà nước chiếm 30% tổng vốn đầu tư trở lên, hoặc dưới 30% tổng vốn đầu tư nhưng có giá trị trên 300 tỷ Đồng (khoảng 13 triệu Đô-la Mỹ, theo tỷ giá hối đoái 1 Đô-la Mỹ đổi được 23.000 Đồng) sẽ do Thủ tướng phê duyệt; thì các dự án còn lại sẽ do:
3. Các bộ liên quan phê duyệt trong những lĩnh vực do họ quản lý, cấp quốc gia;
4. Hội đồng Nhân dân hoặc Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, cấp tỉnh.

Đầu tư Dự án

Cấp quốc gia, Thủ tướng đã ban hành danh mục các dự án quốc gia kêu gọi đầu tư nước ngoài được sửa đổi trong từng giai đoạn. Cho giai đoạn đến năm 2020, Thủ tướng đã ban hành Quyết định số 631/2014/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2014, kèm theo một danh mục gồm 127 dự án quốc gia kêu gọi đầu tư nước ngoài. Quyết định 631 thay thế Quyết định số 1290/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2007, kèm theo một danh mục các dự án quốc gia kêu gọi đầu tư nước ngoài trong giai đoạn 2006-2010. Danh mục này chia 127 dự án thành năm nhóm chính, bao gồm (A) cơ sở hạ tầng kỹ thuật (51 dự án); (B) cơ sở hạ tầng xã hội (20 dự án); (C) nông nghiệp (44 dự án); (D) công nghiệp (8 dự án); và (E) các dịch vụ và hoạt động sản xuất khác (4 dự án). Phần lớn các dự án trong danh mục được đầu tư theo hình thức PPP. Các dự án giao thông vận tải được xếp vào nhóm một (nghĩa là cơ sở hạ tầng kỹ thuật), với 15 dự án cho đường bộ, 4 dự án cho đường sắt, 4 dự án cho sân bay, 2 dự án cho công nghiệp, và có tới 24 dự án (trong tổng số 25 dự án giao thông vận tải) được

đầu xuất dưới hình thức đầu tư PPP. Ngoài danh mục do Thủ tướng ban hành, các bộ trưởng cũng có quyền đầu xuất các dự án (bao gồm cả các dự án PPP) trong các lĩnh vực do họ quản lý đầu thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.

Ở cấp địa phương, các Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh có quyền đầu xuất các dự án (bao gồm cả các dự án PPP) trong phạm vi tỉnh/thành phố của họ đầu thu hút đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài.

Một điểm khác cần lưu ý là tất cả các dự án PPP do các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đầu xuất đầu được pháp luật khuyến khích và Nghị định 63 đã đưa ra một số điều kiện, yêu cầu và thủ tục để các nhà đầu tư thực hiện các đầu xuất đối với những dự án này.

Công bố Dự án

Chính phủ chịu trách nhiệm quy mô quốc gia đối với toàn bộ các vấn đề liên quan đến các dự án PPP ở Việt Nam, và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT) chịu trách nhiệm hỗ trợ Chính phủ trong quá trình thực hiện, trong đó có việc tăng hợp và công bố các dự án PPP được tất cả các chủ thể đầu xuất như đã nêu ở trên. Hiện nay, công bố thông tin về một số dự án PPP có thể được tìm thấy trên cổng thông tin điện tử của Bộ KH&ĐT tại các nhà đầu tư nước ngoài tất cả các thông tin hiện có mới chỉ bằng tiếng Việt. Trong lĩnh vực giao thông vận tải, thông tin về một số dự án PPP trong lĩnh vực này có thể được tìm thấy trên cổng thông tin điện tử do Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT) quản lý, được cung cấp tại <http://ppp.mt.gov.vn/pppunit/Projects?search=y&status=1>. Một lần nữa, tất cả các thông tin hiện có mới chỉ bằng tiếng Việt.

Mức Vốn Chi sở hữu

Đối với một dự án PPP, các nhà đầu tư (trong nước và/hoặc nước ngoài) phải có vốn chi sở hữu đạt mức:

1. Không được thấp hơn 20% tổng vốn đầu tư của dự án, nếu dự án có tổng vốn đầu tư đến 1.500 tỷ Đồng (khoảng 65 triệu Đô-la Mỹ, theo tỷ giá hối đoái 1 Đô-la Mỹ đổi được 23.000 Đồng);

2. Không được thấp hơn 20% của phần vốn đầu tư đến 1.500 tỷ Đồng và không ít hơn 10% của phần vốn đầu tư trên 1.500 tỷ Đồng, nếu dự án có tổng vốn đầu tư trên 1.500 tỷ Đồng.

Các bước Chính trong Vòng đời của Dự án

Nói một cách ngắn gọn, một dự án PPP phải trải qua các bước chính sau đây:

1. Đề xuất dự án (bao gồm cả nghiên cứu tiền khả thi) do các nhà đầu tư và cơ quan Nhà nước có liên quan (tùy từng trường hợp) đề xuất;
2. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án (nếu có yêu cầu) của cơ quan Nhà nước có liên quan (bao gồm Quốc hội, Thủ tướng, các Bộ trưởng, các Hội đồng Nhân dân hoặc Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh);
3. Công bố đề xuất dự án của cơ quan Nhà nước có liên quan (thông qua cổng thông tin điện tử do Bộ KH&ĐT quản lý);
4. Đề xuất nghiên cứu tiền khả thi của các nhà đầu tư hoặc cơ quan Nhà nước có liên quan (tùy từng trường hợp);
5. Phê duyệt nghiên cứu tiền khả thi của các cơ quan Nhà nước có liên quan (bao gồm cả Thủ tướng, các Bộ trưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh);
6. Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án do các cơ quan Nhà nước có liên quan (bao gồm Thủ tướng, các Bộ trưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh) tổ chức;
7. Thành lập doanh nghiệp dự án bởi các nhà đầu tư;
8. Thương thảo và ký kết Hợp đồng dự án (bao gồm hợp đồng dự án PPP và tất cả các hợp đồng có liên quan) giữa các nhà đầu tư và cơ quan Nhà nước có liên quan;
9. Công bố hợp đồng dự án bởi các cơ quan Nhà nước có liên quan (thông qua cổng thông tin điện tử do Bộ KH&ĐT quản lý);
10. Giải phóng mặt bằng xây dựng của dự án bởi các nhà đầu tư/công ty dự án;
11. Đề xuất thiết kế xây dựng của dự án bởi các nhà đầu tư/công ty dự án;
12. Phê duyệt thiết kế xây dựng của dự án bởi các cơ quan Nhà nước có liên quan

13. Tiến hành các hoạt động xây dựng và vận hành dự án bởi các nhà đầu tư/ công ty dự án;
 14. Xác minh và quyết toán vốn đầu tư xây dựng của dự án (ngay sau khi hoàn thành công trình) bởi các nhà đầu tư và cơ quan Nhà nước có liên quan;
 15. Chuyển giao dự án (vào ngày chuyển giao theo thỏa thuận) giữa các nhà đầu tư và cơ quan Nhà nước có liên quan.
- Một điểm đáng lưu ý là các nhà đầu tư nước ngoài có quyền chọn luật nước ngoài là luật điều chỉnh hợp đồng dự án PPP và các hợp đồng có liên quan khác mà họ là một bên.

Ưu đãi được áp dụng

Nói một cách ngắn gọn, các nhà đầu tư/ công ty dự án PPP sẽ:

1. Được hưởng các ưu đãi về thuế/ ưu đãi về tài chính (bao gồm cả tiền thuê đất) phù hợp
2. Được cung cấp bảo lãnh Chính phủ liên quan đến vật tư đầu vào, tiêu thụ sản phẩm/ dịch vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng dự án PPP
3. Được cung cấp đầy đủ hoặc tiếp cận toàn bộ các dịch vụ công/ cơ sở công cộng sẵn có
4. Có đầy đủ quyền sử dụng đất cho mục đích của dự án
5. Có đầy đủ quyền đối với tài sản dự án, bao gồm cả quyền thanh chấp các tài sản dự án. Cũng xin lưu ý là trong trường hợp cần trưng thu cho mục đích cụ thể (ví dụ quốc phòng, an ninh hoặc lợi ích công cộng), Nhà nước sẽ phải bồi thường đầy đủ
6. Có đầy đủ quyền khai thác dự án
7. Được cung cấp ngoại tệ theo yêu cầu hợp pháp

Giải quyết Tranh chấp

Nhìn chung, trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc có liên quan đến dự án PPP, tranh chấp trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng giữa các bên trên cơ sở thiện chí. Nếu việc thương lượng không đạt kết quả:

1. Tranh chấp giữa các nhà đầu tư nước ngoài/ công ty dự án với bất kỳ cơ quan Nhà nước nào của Việt Nam, có liên quan đến hợp đồng dự án PPP hoặc bất kỳ hợp đồng liên quan nào trong đó

họ là một bên, sẽ được giải quyết thông qua (A) cơ quan trọng tài ở Việt Nam; (B) tòa án có thẩm quyền ở Việt Nam; hoặc (C) hội đồng trọng tài theo thỏa thuận của các bên

2. Tranh chấp giữa các nhà đầu tư nước ngoài với nhau hoặc giữa các nhà đầu tư nước ngoài/ công ty dự án với bất kỳ nhà đầu tư là tổ chức/ cá nhân trong nước hoặc nước ngoài nào, sẽ được giải quyết bằng: (A) cơ quan trọng tài ở Việt Nam; (B) tòa án có thẩm quyền ở Việt Nam; (C) cơ quan trọng tài nước ngoài; (D) cơ quan trọng tài quốc tế; hoặc (E) cơ quan trọng tài theo thỏa thuận của các bên.

Khuôn khổ Pháp luật trong Tương lai

Đề kiến tạo khuôn khổ pháp luật chính thức và đăng bộ cho đầu tư PPP ở Việt Nam, một dự án Luật PPP vừa được Bộ KH&ĐT đệ trình lên Quốc hội. Theo dự xuất của dự án luật mới đệ trình, Luật PPP, hiện đang trong quá trình soạn thảo và lấy ý kiến, dự kiến sẽ được Quốc hội thông qua vào năm 2021.

Các văn bản quan trọng

1. Doanh nghiệp tư nhân được mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng

Đây là nội dung nổi bật tại Thông tư số 02/2019/TT-NHNN ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“Thông tư 02”) sửa đổi Thông tư 23/2014/TT-NHNN ngày 19/08/2014 về việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (“Thông tư 23”). Theo đó:

Các tổ chức không có tư cách pháp nhân (thành lập và hoạt động hợp pháp) được phép mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài từ ngày 01/3/2019, cụ thể gồm có:

- (a) Doanh nghiệp tư nhân;
- (b) Hộ kinh doanh cá thể;
- (c) Các tổ chức khác (như chi nhánh, văn phòng đại diện, văn phòng luật sư...).

Trước đây, Thông tư số 32/2016/TT-NHNN ngày 26/12/2016 sửa đổi

Thông tư 23 cho phép những tổ chức là pháp nhân mới được phép mở TK tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Các trường hợp tổ chức không có tư cách pháp nhân đã mở tài khoản thanh toán trước ngày 01/3/2017 thì thực hiện thay đổi chủ tài khoản là tổ chức mà không cần ký lại hợp đồng, trừ khi có yêu cầu bằng văn bản của khách hàng.

Ngoài ra, Thông tư 02 còn thay thế các Phụ lục số 01 và 02 ban hành kèm theo Thông tư 23 và bổ sung thêm Phụ lục số 03 (Thông báo thay đổi thông tin về TK thanh toán mở tại Ngân hàng Nhà nước).

Thông tư này có hiệu lực thi hành ngày 01/3/2019, bãi bỏ Thông tư 32/2016/TT-NHNN và Thông tư 02/2018/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước.

2. Hướng dẫn các trường hợp phải xin giấy phép khi triền lãm

Đây là nội dung nổi bật tại Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 về hoạt động triền lãm.

Theo đó, các tổ chức, cá nhân khi thực hiện triền lãm phải xin cấp giấy phép khi rơi vào các trường hợp sau:

(a) Triền lãm do tổ chức, cá nhân tại Việt Nam đưa ra nước ngoài;

(b) Triền lãm do quốc tế tổ chức, tổ chức, cá nhân nước ngoài tổ chức tại Việt Nam.

Ngoài ra, Nghị định cũng quy định những trường hợp khi tổ chức triền lãm phải gửi thông báo tổ chức triền lãm:

(a) Gửi tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VH-TT&DL) đối với:

(i) Triền lãm do tổ chức ở Trung ương tổ chức tại Việt Nam.

(ii) Triền lãm do các tổ chức thuộc 02 tỉnh, thành phố trở lên liên kết tổ chức tại Việt Nam.

(b) Gửi tới Sở VH-TT&DL hoặc Sở VH&TT đối với: Triền lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương.

Lưu ý: Những nội dung nêu trên không áp dụng với các triền lãm:

(a) Mỹ thuật, nhiếp ảnh; xuất bản phẩm, bảo vật, cổ vật; triền lãm thuộc hệ thống bảo tàng; thành tựu kinh tế – xã hội quốc

gia, địa phương;

(b) Trưng bày tác phẩm, hiện vật, tài liệu mang tính chất nội bộ.

Nghị định này có hiệu lực ngày 15/4/2019.

3. Sửa đổi quy định về lệ phí trước bạ từ ngày 10/4/2019

Ngày 21/02/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP về lệ phí trước bạ.

Theo đó, tăng phí trước bạ với ô tô vừa chở người, vừa chở hàng (xe bán tải) có khối lượng chuyên chở cho phép nhỏ hơn 1.500 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống, ô tô tải VAN có khối lượng chuyên chở cho phép nhỏ hơn 1.500 kg.

Cụ thể, mức nộp lệ phí trước bạ lớn đều đổi với các loại xe nói trên bằng 60% mức thu lệ phí trước bạ lớn đều đổi với ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống.

Ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống chịu mức thu lệ phí trước bạ lớn đều là 10% và có thể được áp mức cao hơn tùy địa phương nhưng tối đa không quá 50% mức quy định chung.

Như vậy, so với mức thu hiện tại là 2% thì đã có sự điều chỉnh đổi với hai loại phương tiện nêu trên.

Ngoài ra, Nghị định bổ sung quy định về giá tính lệ phí trước bạ (LPTB) đổi với trường hợp hợp thuê đất của Nhà nước trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, cụ thể:

Khi thời hạn thuê nhỏ hơn thời hạn của loại đất được quy định tại Bảng giá đất thì giá đất của thời hạn thuê đất tính LPTB được xác định theo công thức sau:

Giá đất của thời hạn thuê đất tính LPTB = Giá đất tại Bảng giá đất/70 năm X thời hạn thuê đất

Bên cạnh đó, thành phần hồ sơ khai LPTB đổi với đất cũng yêu cầu phải nộp bản chính, bản sao hợp lệ các giấy tờ sau:

(a) Bản chính Tờ khai LPTB theo mẫu;

(b) Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng minh tài sản (hoặc chỗ tài sản) thuộc diện miễn LPTB (nếu có), trừ trường hợp đã nộp bản chính theo quy định;

(c) Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của

nhà, đất; giấy tờ hợp pháp về chuyển giao tài sản ký kết giữa bên giao tài sản và bên nhận tài sản.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 10/04/2019.

4. Thay đổi danh sách các nước thí điểm cấp thị thực điện tử và thêm cửa khẩu cho người nước ngoài xuất, nhập cảnh bằng thị thực này

Đây là những nội dung đáng lưu ý trong Nghị định số 17/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 sửa đổi quy định cấp thị thực điện tử (E-visa) cho người nước ngoài.

Theo đó, danh sách 40 nước có công dân được thí điểm cấp thị thực điện tử vào Việt Nam gồm xuất còn 35 nước. Cụ thể, bổ sung thêm một số nước như Áo, Ai-xơ-len, Bỉ, Bồ Đào Nha, Bosnia-Herzegovina, Braxin, Ca-ta, ..., bỏ bớt một số nước như: A-déc-bai-gian, Ac-hen-ti-na, CH Hàn Quốc, Liên bang Nga, ...

Đồng thời, bổ sung thêm 05 cửa khẩu cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử sau đây:

(a) Các cửa khẩu đường bộ, bao gồm:

- (i) Cửa khẩu quốc tế Tây Trang/tỉnh Điện Biên.
- (ii) Cửa khẩu quốc tế Na Mèo/tỉnh Thanh Hóa.
- (iii) Cửa khẩu quốc tế La Lay/tỉnh Quảng Trị.

(b) Các cửa khẩu đường biển, bao gồm:

- (i) Cửa khẩu Dương Đông/tỉnh Kiên Giang.
- (ii) Cửa khẩu Chân Mây/tỉnh Thừa Thiên – Huế.

Nghị định này có hiệu lực trong hai (02) năm kể từ ngày ban hành.

5. Điều kiện thành lập trường cao đẳng nghề có vốn nước ngoài

Đây là nội dung được nêu tại Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp (“Nghị định 15”).

Theo đó, điều kiện để được thành lập trường cao đẳng nghề có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định cụ thể tại Điều 9 của Nghị định này, đơn cử như:

(a) Có đề án thành lập phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở

giáo dục nghề nghiệp Việt Nam;

(b) Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (GCNĐKĐT) (đòi với trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐT theo quy định);

(c) Có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất bao gồm diện tích đất sử dụng tối thiểu là 20.000 m² đối với khu vực đô thị và 40.000 m² đối với khu vực ngoài đô thị;

(d) Vốn đầu tư thành lập bằng nguồn vốn hợp pháp tối thiểu là 100 tỷ đồng (không bao gồm giá trị vốn đất đai);

(e) Có dự kiến cụ thể về cơ cấu tổ chức; cơ sở vật chất, thiết bị; chương trình, giáo trình đào tạo; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với điều kiện đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định; ...

Nghị định 15 có hiệu lực thi hành từ ngày 20/3/2019.

6. Thủ tục, hồ sơ và trình tự giải quyết hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt

Ngày 01 tháng 02 năm 2019 Chính phủ ban hành Nghị định số 14/2019/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung Nghị định 108/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

Theo đó, thủ tục, hồ sơ, trình tự và thẩm quyền giải quyết hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt được hướng dẫn cụ thể như sau:

(a) Thủ tục, hồ sơ, trình tự và thẩm quyền giải quyết hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa tạm nhập tái xuất được thực hiện như quy định tại Điều 34 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 (“Nghị định 134”);

(b) Thủ tục, hồ sơ, trình tự và thẩm quyền giải quyết hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định 134.

Trường hợp tờ khai nhập khẩu có tiền thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt để nghị hoàn thì hồ sơ hoàn thuế nhập khẩu đồng thời là hồ sơ hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 20/3/2019.

7. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được ưu đãi về thuế XNK

Ngày 01/02/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 13/2019/NĐ-CP quy định về doanh nghiệp khoa học và công nghệ (KH&CN).

Theo đó, doanh nghiệp KH&CN được ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (thuế XNK) đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hoạt động sản xuất – kinh doanh theo quy định về thuế XNK.

Doanh nghiệp KH&CN còn được ưu tiên, không thu phí khi sử dụng máy móc, trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở nghiên cứu KH&CN của Nhà nước.

Nếu có phát sinh chi phí mua nguyên vật liệu thì doanh nghiệp phải trả các khoản chi phí phát sinh đó.

Ngoài ra, đối với những doanh nghiệp KH&CN có kết quả được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn đã được cơ quan quản lý Nhà nước về KH&CN công nhận thì được hỗ trợ kinh phí từ Ngân sách Nhà nước.

Trường hợp kết quả có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội và quốc phòng, an ninh thì Nhà nước sẽ xem xét mua kết quả đó.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 20/3/2019.

8. Bộ Y tế ban hành nguyên tắc cấp mã cơ sở khám, chữa bệnh

Ngày 01/02/2019, Bộ Y tế ban hành Quyết định số 384/QĐ-BYT về ban hành nguyên tắc cấp mã cơ sở khám, chữa bệnh.

Theo đó, mã cơ sở khám, chữa bệnh gồm 05 ký tự thể hiện bằng số, bao gồm:

(a) 02 ký tự đầu là mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004; riêng cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng sử dụng mã ký tự là 97, thuộc Bộ Công an là 98.

(b) 03 ký tự tiếp theo là thứ tự của cơ sở khám, chữa bệnh trong tỉnh, thành phố tương ứng bắt đầu từ 001.

Ví dụ: Mã cơ sở khám, chữa bệnh của Bệnh viện Bạch Mai là: 01001; Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương là 01047; Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn là 06001, ...

Thông tin cấp mã gồm: tên cơ sở khám, chữa bệnh; mã cơ sở

khám, chữa bệnh; địa chỉ; số giấy phép hoạt động, ...

Trách nhiệm cấp mã cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cục Quân y – Bộ Quốc phòng; Cục Y tế – Bộ Công an tương ứng với phạm vi quản lý được phân công.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các lĩnh vực khác:

Tài chính – Ngân hàng

- Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 sửa đổi Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Thông tư số 01/2019/TT-NHNN ngày 01/02/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi Thông tư số 30/2015/TT-NHNN quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Thương mại

- Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội công bố danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, Ủy ban Nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.

Giáo dục

- Quyết định số 388/QĐ-BGDĐT ngày 20/02/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế Quản lý và xử lý tài liệu điện tử trên Hệ thống Quản lý hành chính điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc

sỹ, tiến sỹ.

Giao thông vận tải

- Nghị quyết 12/NQ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chấp hành các quy định của pháp luật về giao thông giai đoạn 2019-2021;
- Quyết định số 249/QĐ-BGTVT ngày 13/02/2019 của Bộ Giao thông Vận tải công bố thi hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông Vận tải.

Hành chính – Tư pháp

- Nghị định số 12/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành;
- Quyết định số 268/QĐ-BTC ngày 19/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về phân cấp thẩm quyền xác lập quy định sở hữu toàn dân về tài sản và phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP;
- Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công bố danh mục thi hành chính trong lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh
- Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BCA ngày 18/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an hợp nhất Thông tư quy định về mẫu thẻ Căn cước công dân;
- Thông tư số 15/2019/TT-BQP ngày 11/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về quy trình tuần tra, kiểm tra, kiểm soát của Cảnh sát biển Việt Nam.

Nông – Lâm – Ngư nghiệp

- Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công bố thi hành chính sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Quyết định số 559/QĐ-BNN-BVTV ngày 19/02/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công bố thi hành chính mới lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

- Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội công bố danh mục thi tục hành chính bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ủy ban Nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 13/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Cúm gia cầm, giai đoạn 2019-2025”;
- Quyết định số 501/QĐ-BNN-BVTV ngày 12/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về loại bỏ thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất Chlorpyrifos Ethyl và Fipronil ra khỏi Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam;
- Quyết định số 509/QĐ-BNN-TC ngày 12/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về phân cấp thẩm quyền sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất; mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên; quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quản lý.

Văn bản khác

- Quyết định số 745/QĐ-BYT ngày 28/02/2019 của Bộ Y tế công bố thi tục hành chính mới/ được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ bị bãi bỏ lĩnh vực trang thiết bị y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;
- Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019;
- Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội bãi bỏ Quyết định số 23/2013/QĐ-UBND quy định về thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền thu được từ bán nhà tái định cư trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 163/QĐ-BTTTT ngày 14/02/2019 công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông kỳ 2014-2018;
- Quyết định số 281/QĐ-BCT ngày 12/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về khung giá phát điện năm 2019;
- Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 01/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển viễn thám quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040.